

TỔNG CỤC LÂM NGHIỆP
CƠ QUAN THẨM QUYỀN
QUẢN LÝ CITES VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc

Số: **03** /CTVN

Hà Nội, ngày **03** tháng **01** năm 2023

V/v kết quả biểu quyết các đề xuất sửa
đổi, bổ sung Phụ lục CITES

Kính gửi: Tổ chức, cá nhân liên quan đến hoạt động xuất khẩu,
nhập khẩu, tái xuất khẩu, nhập nội từ biển mẫu vật
động vật, thực vật hoang dã nguy cấp

Hội nghị các quốc gia thành viên Công ước về buôn bán quốc tế các loài
động vật, thực vật hoang dã lần thứ 19 (CITES-COP19) diễn ra tại Panama từ ngày
14-25/11/2022. Hội nghị lần này đã thảo luận, thông qua nhiều nội dung quan
trọng, trong đó gồm sửa đổi, bổ sung các Phụ lục CITES liên quan đến nhiều loài
và chú giải do các quốc gia thành viên Công ước đề xuất. Kết quả tóm tắt của Hội
nghị đã được công bố trên website của CITES tại đường dẫn:
<https://cites.org/eng/cop/19/summary-records>. Cơ quan thẩm quyền quản lý CITES
Việt Nam gửi kèm danh sách loài, nhóm loài, chú giải đã được CITES - COP19
thông qua hoặc không thông qua để tổ chức, cá nhân liên quan tham khảo.

Theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều XV của Công ước, việc sửa đổi,
bổ sung Phụ lục CITES sẽ có hiệu lực sau 90 ngày kể từ diễn ra Hội nghị. Cơ
quan thẩm quyền quản lý CITES Việt Nam đề nghị các tổ chức, cá nhân liên
quan đến hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, tái xuất khẩu, nhập nội từ biển mẫu
vật động vật, thực vật hoang dã nguy cấp nghiên cứu, thực hiện, chủ động
phương án kinh doanh, tránh rủi ro vi phạm các quy định của Điều ước quốc tế
và pháp luật Việt Nam. Cơ quan thẩm quyền quản lý CITES Việt Nam sẽ dịch
và công bố Phụ lục CITES được bổ sung, sửa đổi sau CITES-COP19 theo đúng
quy định tại điểm d khoản 3 Điều 33 Nghị định số 06/2019/NĐ-CP ngày
22/01/2019 của Chính phủ ngay sau khi nhận được Thông báo chính thức của
Ban Thư ký CITES.

Thông tin chi tiết liên hệ Cơ quan thẩm quyền quản lý CITES Việt Nam,
Tổng cục Lâm nghiệp (điện thoại: 024 3733 5676)/.

Nơi nhận:

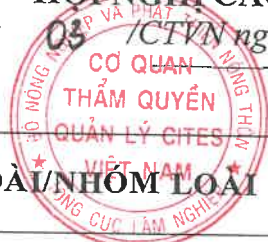
- Như trên;
- PTCT. Bùi Chính Nghĩa (để báo/cáo);
- Tổng cục Hải quan (để phối hợp);
- Cơ quan khoa học CITES (để phối hợp);
- Hiệp hội gỗ và lâm sản Việt Nam;
- Lưu: VI, CTVN. **{50}**



Vương Tiên Mạnh

**Phụ lục: KẾT QUẢ CÁC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG PHỤ LỤC CITES SAU
HỘI NGHỊ CÁC QUỐC GIA THÀNH VIÊN CITES LẦN THỨ 19**

(Đính kèm văn bản số: **03** /CTVN ngày **03** tháng **01** năm 2023 của Cơ quan thẩm quyền quản lý CITES Việt Nam)



TT	TÊN LOÀI/NHÓM LOẠI	QUỐC GIA ĐỀ XUẤT	NỘI DUNG ĐỀ XUẤT	KẾT QUẢ
1.	Hà mã/ Hippopotamus (<i>Hippopotamus amphibius</i>)	Benin	Chuyển loài từ Phụ lục II lên Phụ lục I	Không thông qua
2.	Tê giác trắng/ White rhinoceros (<i>Ceratotherium simum simum</i>)	Nambia	Quản thể Namibia từ Phụ lục I xuống Phụ lục II	Thông qua đề xuất chuyển quản thể loài <i>Ceratotherium simum simum</i> tại Namibia từ Phụ lục I xuống Phụ lục II với chú giải: "Vì mục đích duy nhất là cho phép thương mại quốc tế mẫu vật tê giác sống chỉ vì mục đích bảo tồn tại chỗ và chỉ đối với loài đó."

TT	TÊN LOÀI/NHÓM LOÀI	QUỐC GIA ĐỀ XUẤT	NỘI DUNG ĐỀ XUẤT	KẾT QUẢ
3.	Tê giác trắng/ White rhinoceros (<i>Ceratotherium simum simum</i>)	Eswatini	Xoá chú giải Phụ lục II với quần thể Eswatini, để Eswatini được kiểm soát tê giác trắng đúng với loài Phụ lục II	Không thông qua
4.	Voi châu Phi/ African elephant (<i>Loxodonta africana</i>)	Zimbabwe	Sửa đổi chú giải với Phụ lục II quần thể voi của Botswana, Namibia, South Africa, and Zimbabwe	Không thông qua
5.	Voi châu Phi/ African elephant (<i>Loxodonta africana</i>)	Burkina Faso	Chuyển toàn bộ quần thể voi châu Phi lên Phụ lục I gồm quần thể của Botswana, Namibia, Nam Phi và Zimbabwe	Thông qua
6.	Sóc chó/Sóc Bắc Mỹ/ Mexican prairie dog (<i>Cynomys mexicanus</i>)	Mexico	Chuyển loài từ Phụ lục I xuống Phụ lục II	Thông qua
7.	Ngỗng Canada/ Aleutian cackling goose (<i>Branta canadensis leucopareia</i>)	Hoa Kỳ	Chuyển loài từ Phụ lục I xuống Phụ lục II	Thông qua
8.	Chim chích chòe lửa/ White-rumped shama (<i>Kittacincla malabarica</i>)	Malaysia, Singapore	Bổ sung loài vào Phụ lục II	Thông qua
9.	Chim chào mào đầu mũ rom/ Straw-headed bulbul (<i>Pycnonotus zeylanicus</i>)	Singapore	Chuyển từ Phụ lục II lên Phụ lục I	Thông qua

TT	TÊN LOÀI/NHÓM LOÀI	QUỐC GIA ĐỀ XUẤT	NỘI DUNG ĐỀ XUẤT	KẾT QUẢ
10.	Chim hải âu lớn đuôi ngắn/ Short-tailed albatross (<i>Phoebastria albatrus</i>)	Hoa Kỳ	Chuyển loài từ Phụ lục I xuống Phụ lục II	Thông qua
11.	Cá sấu mũi rộng/ Broad-snouted Caimans (<i>Caiman latirostris</i>)	Hoa Kỳ	Chuyển loài từ Phụ lục I xuống Phụ lục II với hạn ngạch bằng 0	Thông qua
12.	Cá sấu nước mặn / Saltwater crocodiles (<i>Crocodylus porosus</i>)	Philippines	Chuyển quần thể đảo Palawan từ Phụ lục I xuống Phụ lục II với hạn ngạch xuất khẩu mẫu vật tự nhiên bằng 0	Thông qua
13.	Cá sấu nước ngọt/ Siamese crocodiles (<i>Crocodylus siamensis</i>)	Thái Lan	Chuyển quần thể cá sấu nước ngọt tại Thái Lan từ Phụ lục I xuống Phụ lục II với hạn ngạch bằng 0 mẫu vật từ tự nhiên	Không thông qua
14.	Rồng đất/ Indo-Chinese water dragon (<i>Physignathus cocincinus</i>)	Việt Nam	Bổ sung loài vào Phụ lục II	Thông qua
15.	Tắc kè đồi Jeypore/ Jeypore hill gecko (<i>Cyrtodactylus jeyporensis</i>)	Ấn Độ	Bổ sung loài vào Phụ lục II	Thông qua
16.	Tắc kè đầu mũ/ Helmethead Geckos (<i>Tarentola chazaliae</i>)	Mauritania, Senagal	Bổ sung loài vào Phụ lục II	Thông qua
17.	Thằn lằn có sừng sa mạc/ Desert horned lizard (<i>Phrynosoma platyrhinos</i>)	Hoa Kỳ	Bổ sung loài vào Phụ lục II	Thông qua

TT	TÊN LOÀI/NHÓM LOÀI	QUỐC GIA ĐỀ XUẤT	NỘI DUNG ĐỀ XUẤT	KẾT QUẢ
18.	Các loài Thần lằn sừng thuộc giống <i>Phrynosoma</i> / Horned Lizards (<i>Phrynosoma</i> spp.)	Mexico	Bổ sung loài vào Phụ lục II	Thông qua
19.	Thần lằn lưỡi xanh Pygmy/ Pygmy blue-tongued lizard (<i>Tiliqua adelaidensis</i>)	Australia	Bổ sung loài vào Phụ lục I	Thông qua
20.	Trăn puerto rico/ Puerto Rican boa (<i>Epicrates inornatus</i>)	Hoa Kỳ	Chuyển loài từ Phụ lục I xuống Phụ lục II	Thông qua
21.	Rắn đuôi chuông gỗ/ Timber rattlesnake (<i>Crotalus horridus</i>)	Hoa Kỳ	Bổ sung loài vào Phụ lục II	Hoa Kỳ rút đề xuất
22.	Rùa Matamata/ Matamata Turtles (<i>Chelus fimbriata</i> và <i>Chelus orinocensis</i>)	Brazil, Colombia, Costa Rica, Peru	Chuyển loài từ Phụ lục III vào Phụ lục II	Thông qua
23.	Rùa cá sấu/ Alligator snapping turtle (<i>Macrochelys temminckii</i>) và Rùa đớp/ Common snapping turtle (<i>Chelydra serpentina</i>)	Hoa Kỳ	Bổ sung loài vào Phụ lục II	Thông qua
24.	Các loài rùa bản đồ đầu rộng/ Broad-headed map turtles/ <i>Graptemys barbouri</i> , <i>Graptemys ernsti</i> , <i>Graptemys gibbonsi</i> , <i>Graptemys pearlensis</i> , <i>Graptemys pulchra</i>	Hoa Kỳ	Bổ sung loài vào Phụ lục II	Thông qua

TT	TÊN LOÀI/NHÓM LOÀI	QUỐC GIA ĐỀ XUẤT	NỘI DUNG ĐỀ XUẤT	KẾT QUẢ
25.	Rùa mái nhà đầu đỏ/ Red-crowned roofed turtle (<i>Batagur kachuga</i>)	Ấn Độ	Chuyển loài từ Phụ lục II lên Phụ lục I	Thông qua
26.	Rùa hộp trán vàng miền bắc/ Indochinese Box Turtle (<i>Cuora galbinifrons</i>)	Việt Nam, Liên minh châu Á	Chuyển loài từ Phụ lục II lên Phụ lục I	Thông qua
27.	Các loài Rùa gỗ thuộc giống <i>Rhinoclemmys</i> / Wood Turtles (<i>Rhinoclemmys</i> spp.)	Brazil, Colombia, Costa Rica, Panama	Bổ sung loài vào Phụ lục II	Thông qua
28.	Rùa cầu hẹp/ Narrow-bridged Musk Turtle (<i>Claudius angustatus</i>)	Mexico	Bổ sung loài vào Phụ lục II	Thông qua
29.	Các loài Rùa bùn thuộc họ <i>Kinosternon</i> spp. / Mud Turtles (<i>Kinosternon</i> spp.)	Brazil, Colombia, Costa Rica, El Salvador, Mexico, Panama, Hoa Kỳ	Đưa <i>Kinosternon cora</i> và <i>K. vogti</i> vào Phụ lục I và tất cả các loài khác của <i>Kinosternon</i> spp. trong Phụ lục II (trừ các loài có trong Phụ lục I)	Thông qua
30.	Rùa xạ hương khổng lồ Mexico/ Mexican giant musk turtles (<i>Staurotypus triporcatus</i> và <i>Staurotypus salvinia</i>)	El Salvador, Mexico	Bổ sung loài vào Phụ lục II	Thông qua
31.	Các loài Rùa xạ hương thuộc họ <i>Sternotherus</i> spp. / Musk Turtle (<i>Sternotherus</i> spp.)	Hoa Kỳ	Bổ sung loài vào Phụ lục II	Thông qua

TT	TÊN LOÀI/NHÓM LOÀI	QUỐC GIA ĐỀ XUẤT	NỘI DUNG ĐỀ XUẤT	KẾT QUẢ
32.	Các loài Rùa mai mềm Hoa Kỳ thuộc giống <i>Apalone</i> / American softshell turtles (<i>Apalone</i> spp.)	Hoa Kỳ	Bổ sung loài vào Phụ lục II, trừ phụ loài đã có trong Phụ lục I	Thông qua
33.	Rùa mai mềm Leith/ Leith's softshell turtle (<i>Nilssonina leithii</i>)	Ấn Độ	Chuyển loài từ Phụ lục II lên Phụ lục I	Thông qua
34.	Các loài Ếch thủy tinh thuộc giống <i>Centrolenidae</i> / Glass Frogs (<i>Centrolenidae</i> spp.)	Argentina, Brazil, Costa Rica, Côte d'Ivoire, Dominican Republic, Ecuador, El Salvador, Gabon, Guinea, Niger, Panama, Peru, Togo, Hoa Kỳ	Bổ sung loài vào Phụ lục II	Thông qua
35.	Ếch lá/ Lemur Leaf Frog (<i>Agalychnis lemur</i>)	Colombia, Costa Rica, Liên minh Châu Âu, Panama	Đưa vào Phụ lục II với hạn ngạch xuất khẩu hàng năm bằng 0 đối với các mẫu vật lấy từ tự nhiên được buôn bán cho mục đích thương mại	Thông qua
36.	Cá cóc Lào/ Laos Warty Newt (<i>Laotriton laoensis</i>)	Liên minh Châu Âu	Đưa vào Phụ lục II với hạn ngạch xuất khẩu hàng năm bằng 0 đối với các mẫu vật lấy từ tự nhiên	Thông qua

TT	TÊN LOÀI/NHÓM LOÀI	QUỐC GIA ĐỀ XUẤT	NỘI DUNG ĐỀ XUẤT	KẾT QUẢ
			được buôn bán cho mục đích thương mại	
37.	Các loài cá mập thuộc giống Carcharhinidae/ Requiem Sharks (Carcharhinidae spp.)	Bangladesh, Colombia, Cộng hòa Dominican, Ecuador, El Salvador, Liên minh Châu Âu, Gabon, Israel, Maldives, Panama, Senegal, Seychelles, Sri Lanka, Syrian Arab Republic, Vương quốc Anh	Bổ sung toàn bộ 54 loài cá mập thuộc giống Carcharhinidae vào Phụ lục II	Thông qua đề xuất với hiệu lực thi hành chậm 12 tháng
38.	Các loài cá mập thuộc giống <i>Sphyrnidae</i> /Hammerhead Sharks (<i>Sphyrnidae</i> spp.)	Brazil, Colombia, Ecuador, Liên minh Châu Âu, Panama	Bổ sung toàn bộ giống <i>Sphyrnidae</i> vào Phụ lục II	Thông qua
39.	Cá đuối nước ngọt/ Freshwater stingrays (<i>Potamotrygon albimaculata</i> , <i>Potamotrygon henlei</i> , <i>Potamotrygon jabuti</i> , <i>Potamotrygon</i>	Brazil	Bổ sung loài vào Phụ lục II	Thông qua

TT	TÊN LOÀI/NHÓM LOÀI	QUỐC GIA ĐỀ XUẤT	NỘI DUNG ĐỀ XUẤT	KẾT QUẢ
	<i>leopoldi</i> , <i>Potamotrygon marquesi</i> , <i>Potamotrygon signata</i> , <i>Potamotrygon wallacei</i>)			
40.	Guatarfishes (<i>Rhinobatidae</i> spp.)	Israel, Kenya, Panama, Senegal	Bổ sung giống <i>Rhinobatidae</i> vào Phụ lục II	Thông qua
41.	Cá ngựa vằn/ Zebra pleco (<i>Hypancistrus zebra</i>)	Brazil	Bổ sung loài vào Phụ lục I	Không thông qua
42.	Các loài hải sâm thuộc giống <i>Thelenota</i> /Sea Cucumber (<i>Thelenota</i> spp.)	Liên minh châu Âu, Seychelles, Hoa Kỳ	Bổ sung vào Phụ lục II	Thông qua đề xuất với hiệu lực thi hành chậm 18 tháng
43.	<i>Apocynaceae</i> , <i>Cactaceae</i> , <i>Cycadaceae</i> , <i>Dicksoniaceae</i> , <i>Euphorbiaceae</i> , <i>Gnetaceae</i> , <i>Liliaceae</i> , <i>Magnoliaceae</i> , <i>Nepenthaceae</i> , <i>Orchidaceae</i> , <i>Papaveraceae</i> , <i>Podocarpaceae</i> , <i>Sarraceniaceae</i> , <i>Trochodendraceae</i> , <i>Zamiaceae</i> , <i>Zingiberaceae</i>	Canada	Các loài thực vật có chú giải #1, #4, #14 và Phụ lục-I đã liệt kê các loài thuộc họ <i>Orchidaceae</i> . Sửa đổi Chú giải #1 như sau: Tất cả các bộ phận và dẫn xuất, ngoại trừ: [...] b) cây con hoặc mô nuôi cây thu được trong ống nghiệm, được vận chuyển trong bình chứa vô trùng; Sửa đổi Chú giải #4 như sau: Tất cả các bộ phận và dẫn xuất, ngoại trừ: [...] b) cây con hoặc mô nuôi	Thông qua

TT	TÊN LOÀI/NHÓM LOÀI	QUỐC GIA ĐỀ XUẤT	NỘI DUNG ĐỀ XUẤT	KẾT QUẢ
			<p>cây thu được trong ống nghiệm, được vận chuyển trong các bình chứa vô trùng;</p> <p>Sửa đổi Chú giải #14 như sau: Tất cả các bộ phận và dẫn xuất ngoại trừ: [...] b) cây con hoặc mô cây thu được trong ống nghiệm, được vận chuyển trong các bình chứa vô trùng; [...] F) thành phẩm được đóng gói và sẵn sàng cho thương mại bán lẻ; sự miễn trừ này không áp dụng cho dăm gỗ, chuỗi hạt, chuỗi hạt cầu nguyện và đồ chạm khắc.</p> <p>Sửa đổi đoạn f) của văn bản bằng tiếng Pháp của Chú giải #14 như sau: f) les produits finish conditionnés et prêts pour la vente au détail; cette dérogation ne s'applique pas aux copeaux en de bois, aux perles, aux grain de chapelets et aux gravures.</p>	



TT	TÊN LOÀI/NHÓM LOÀI	QUỐC GIA ĐỀ XUẤT	NỘI DUNG ĐỀ XUẤT	KẾT QUẢ
			<p>Sửa đổi chú giải trong ngoặc đơn cho Orchidaceae trong Phụ lục I như sau: ORCHIDACEAE Orchids (Đối với tất cả các loài thuộc Phụ lục I sau, cây con hoặc mô nuôi cấy thu được trong ống nghiệm, và được vận chuyển trong các bình chứa vô trùng thì không chỉ tuân theo các quy định của Công ước nếu các mẫu vật đáp ứng định nghĩa 'được nhân giống nhân tạo' do Hội nghị các Bên thống nhất)</p>	
44.	<p>Các loài cây chuông vàng thuộc giống <i>Handroanthus</i> spp., <i>Roseodendron</i> spp., <i>Tabebuia</i> spp./ Trumpet Trees (<i>Handroanthus</i>, <i>Roseodendron</i>, and <i>Tabebuia</i> spp.)</p>	Colombia, Liên minh châu Âu, Panama	Đưa vào Phụ lục II với chú giải #17 (Gỗ tròn, gỗ xẻ, tấm veneer, ván ép và gỗ chuyển hóa.)	Thông qua
45.	<p>Các loài cây rễ vàng thuộc chi <i>Rhodiola</i>/ (<i>Rhodiola</i> spp.)</p>	Trung Quốc, Liên minh Châu Âu, Ukraine, Vương quốc Liên hiệp Anh và Bắc	Đưa vào Phụ lục II với chú giải #2 (Tất cả các bộ phận và dẫn xuất ngoại trừ: a) hạt và phần hoa; và b) thành phẩm được đóng gói và sẵn sàng cho thương mại bán lẻ.)	Thông qua

TT	TÊN LOÀI/NHÓM LOÀI	QUỐC GIA ĐỀ XUẤT	NỘI DUNG ĐỀ XUẤT	KẾT QUẢ
		Ireland, Hoa Kỳ		
46.	Các loài gỗ đỏ thuộc chi <i>Azelia</i> / Pod Mahoganies (<i>Azelia</i> spp.)	Benin, Côte d'Ivoire, Liên minh Châu Âu, Liberia, Senegal	Đưa các quần thể châu Phi vào Phụ lục II với chú giải #17 (Gỗ tròn, gỗ xẻ, tấm veneer, ván ép và gỗ chuyển hóa.)	Thông qua
47.	Trắc Bắc Ấn Độ/ North India Rosewood (<i>Dalbergia sissoo</i>)	Ấn Độ, Nepal	Ấn độ đề xuất xoá loài khỏi phụ lục II	Không thông qua
48.	Các loài thuộc chi <i>Dipteryx</i> /Cumaru (<i>Dipteryx</i> spp.)	Colombia, Liên minh châu Âu, Panama	Bổ sung chi <i>Dipteryx</i> spp. vào Phụ lục II với chú giải "Gỗ tròn, gỗ xẻ, tấm veneer, ván ép, gỗ chuyển hóa và hạt giống"	Thông qua
49.	Brazil wood (<i>Paubrasilia echinata</i>)	Brazil	Chuyển loài từ Phụ lục II lên Phụ lục I với chú giải "Tất cả các bộ phận, dẫn xuất và sản phẩm hoàn chỉnh, bao gồm cung (vĩ) của nhạc cụ, ngoại trừ dụng cụ âm nhạc và các bộ phận của chúng, dàn nhạc lưu động do các nghệ sĩ độc tấu mang hộ chiếu âm nhạc theo Nghị quyết 16.8."	Thông qua

TT	TÊN LOÀI/NHÓM LOÀI	QUỐC GIA ĐỀ XUẤT	NỘI DUNG ĐỀ XUẤT	KẾT QUẢ
50.	Các loài Giáng hương thuộc chi <i>Pterocarpus</i> /Padauk (<i>Pterocarpus</i> spp.)	Côte d'Ivoire, Liên minh Châu Âu, Liberia, Senegal, Togo	Đưa các quần thể châu Phi vào Phụ lục II với chú giải #17 (Gỗ tròn, gỗ xẻ, ván lạng, ván ép và gỗ chuyển hóa) và sửa đổi chú giải của <i>Pterocarpus erinaceus</i> và <i>P. tinctorius</i> , đã được liệt kê trong Phụ lục II, để chú giải #17	Thông qua
51.	Các loài dái ngựa châu phi thuộc chi <i>Khaya</i> / African Mahoganies (<i>Khaya</i> spp.)	Benin, Côte d'Ivoire, Liên minh Châu Âu, Liberia, Senegal	Đưa các quần thể châu Phi vào Phụ lục II với chú giải #17 (Gỗ tròn, gỗ xẻ, tấm veneer, ván ép và gỗ chuyển hóa.)	Thông qua
52.	Các loài lan/ Orchids (Orchidaceae)	Thụy Sĩ	Sửa đổi chú giải #4, với việc bổ sung đoạn mới g), có nội dung: 'g) thành phẩm được đóng gói và sẵn sàng để bán lẻ mỹ phẩm có chứa các bộ phận và dẫn xuất của <i>Bletilla striata</i> , <i>Cycnoches cooperi</i> , <i>Gastrodia elata</i> , <i>Phalaenopsis amabilis</i> và <i>P. lobbii</i>	Thông qua